

Số: 894/QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 16 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (đợt 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH-15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai; đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/UBND ngày 04/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ- UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn

cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 03/4/2026 của UBND xã Cẩm Mỹ về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Cẩm Mỹ khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ các Thông báo số: 326/TB-UBND, 343/TB-UBND, 405/TB-UBND, 407/TB-UBND, 413/TB-UBND, 417/TB-UBND, 432/TB-UBND, 437/TB-UBND, 439/TB-UBND, 464/TB-UBND, 482/TB-UBND, 491/TB-UBND, 500/TB-UBND, 543/TB-UBND, 544/TB-UBND, 566/TB-UBND, 575/TB-UBND, 576/TB-UBND, ngày 07/4/2026 và các Thông báo số: 644/TB-UBND, 645/TB-UBND, 646/TB-UBND ngày 19/5/2026 của UBND xã Cẩm Mỹ thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đoạn qua xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ tại Văn bản số 417/TTPTQĐCNCM ngày 10/7/2026 về việc đề nghị thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (đợt 3); Báo cáo số 05/BC-HĐBT ngày 15/7/2026 của Hội đồng bồi thường về báo cáo kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (đợt 3) và đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 198/TTr-KT ngày 15 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành; đoạn qua xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (đợt 3), với nội dung cụ thể như sau:

1. Phương án số 1049/PA-TTPTQĐCNCM ngày 10/7/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 3) dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành; đoạn qua xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai. Cụ thể như sau:

- a. Tổng diện tích đất thu hồi: 27.813,2 m². Trong đó:
 - Đất ở tại nông thôn: 100 m².
 - Đất nông nghiệp: 27.713,2 m².
- b. Tổng số trường hợp thu hồi: 19 hộ gia đình, cá nhân.

c. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: **26.622.763.112 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm mười hai đồng). Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:	10.638.243.280 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc:	1.931.957.936 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:	1.544.702.053 đồng.
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	11.335.109.400 đồng.
- Thuởng di dời:	282.000.000 đồng.
- Chi phí cho công tác bồi thường:	890.750.443 đồng.

Bao gồm:

+ Chi phí cho TT Phát triển quỹ đất - CN Cẩm Mỹ:	757.137.877 đồng.
+ Chi phí cho UBND xã Cẩm Mỹ:	133.612.566 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp chi tiết)

2. Phương án chi tiết số 1044/PA-TTPTQĐCNCM, 1045/PA-TTPTQĐCNCM, 1046/PA-TTPTQĐCNCM, 1047/PA-TTPTQĐCNCM, 1048/PA-TTPTQĐCNCM, 1050/PA-TTPTQĐCNCM, 1051/PA-TTPTQĐCNCM, 1052/PA-TTPTQĐCNCM, 1053/PA-TTPTQĐCNCM, 1054/PA-TTPTQĐCNCM, 1055/PA-TTPTQĐCNCM, 1056/PA-TTPTQĐCNCM, 1057/PA-TTPTQĐCNCM, 1058/PA-TTPTQĐCNCM, 1059/PA-TTPTQĐCNCM, 1060/PA-TTPTQĐCNCM, 1061/PA-TTPTQĐCNCM, 1062/PA-TTPTQĐCNCM, 1063/PA-TTPTQĐCNCM ngày 10/7/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành; đoạn qua địa bàn xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ nêu trên nằm trong kinh phí dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ:

Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Chủ đầu tư và Trưởng ấp nơi có đất thu hồi phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

Trực tiếp giao Quyết định này (kèm phương án chi tiết) đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và thông báo về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực theo đúng quy định. Thực hiện việc khấu trừ các khoản nghĩa vụ tài chính (nếu có).

2. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm:

Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ trong việc phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội xã thực hiện đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của xã.

4. Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ theo thời gian quy định (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội đồng Bồi thường, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất - Chi nhánh Cẩm Mỹ; Thủ trưởng các cơ quan, người có đất bị thu hồi, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND thành phố (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;
- Sở Nội vụ thành phố;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố;
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBX;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã (đăng thông báo);
- Chánh, các Phó VP.UBX;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Liêm

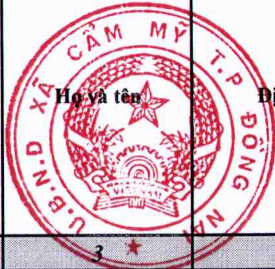


BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành;
đoạn qua địa bàn xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai (Đợt 3)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Cẩm Mỹ)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp									
				Tổng	Tro ng đó đất lúa	Tổng	Trong đó đất ở								
1	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15		16	17
1	Ông Nguyễn Văn Thế	Ấp 4, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	4718,2	4.718	-	0,	0,		2.661.673.000	343.517.620	169.606.213	3.358.470.000	20.000.000	6.553.266.833	
2	Ông Tăng Tiết Loan	252/8, KP2A, Phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai	194,1	194	-	0,	0,		115.489.500	-	1.665.060	855.000	12.000.000	130.009.560	
3	Ông Nguyễn Công Hậu	Ấp Nhân Nghĩa, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	312,5	313	-	-	-		201.562.500	108.398.480	4.013.828	235.230.000	20.000.000	569.204.808	
4	Ông Lê Văn Tấn; bà Đỗ Thị Kim Dung	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	56,6	57	-	0,	0,		36.507.000	106.363.980	-	1.710.000	12.000.000	156.580.980	
5	Ông Đồng Văn Thanh; bà Nguyễn Thị Xuân	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	901,6	902	-	-	-		581.532.000	21.944.480	176.495.860	677.910.000	20.000.000	1.477.882.340	

STT		Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp										
				Tổng	Trong đó đất lúa	Tổng	Trong đó đất ở									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Ông Võ Hồng Trang	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	776,2	776	-	0,	0,		500.649.000	129.826.330	81.219.509	583.005.000	20.000.000	1.314.699.839		
7	Ông Phạm Thành Trung	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2299,9	2.200	-	100,	100,		632.904.200	469.104.903	378.725.470	666.810.000	20.000.000	2.167.544.573		
8	Ông Đặng Thành Tâm	Số nhà 100, CMT8, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ	3778,	3.778	-	0,	0,		877.251.600	-	30.803.610	3.420.000	20.000.000	931.475.210		
9	Ông Nhân Sinh Phúc	Ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2119,7	2.120	-	0,	0,		1.152.879.340	7.560.000	143.909.436	1.193.488.800	20.000.000	2.517.837.576		
10	Ông Đặng Văn Hân	Ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	5766,9	5.767	-	0,	0,		1.791.141.471	14.306.080	287.766.078	2.264.581.350	20.000.000	4.377.794.979		
11	Ông Lê Hồng Quân	Ấp Long Giao, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	881,7	882	-	0,	0,		273.847.203	-	25.729.117	346.895.550	20.000.000	666.471.870		
12	Bà Nguyễn Thị Ánh	Khu phố Bảo Vinh A, phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai	3345,	3.345	-	0,	0,		1.038.923.550	657.786.020	91.863.649	1.312.987.500	20.000.000	3.121.560.719		

STT		Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp									
				Tổng	Trong đó đất lúa	Tổng	Trong đó đất ở								
1	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15		16	17
13	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	763/19 Kha Vạn Cân, khu phố 60, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.	193,4	193	-	0,	0,		60.068.106	-	-	855.000	8.000.000	68.923.106	
14	Bà Lộc Sỹ Minh	ấp Hoà Thuận, xã Định Quán, thành phố Đồng Nai	63,1	63	-	0,	0,		40.699.500	-	-	855.000	4.000.000	45.554.500	
15	Bà Nguyễn Thị Mạnh	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	147,8	148	-	0,	0,		95.331.000	28.638.000	4.518.530	111.705.000	16.000.000	256.192.530	
16	Ông Nguyễn Thanh Sơn	70/26, đường 339, tổ 4, KP5, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.	19,5	20	-	0,	0,		12.577.500	15.541.493	1.749.000	1.710.000	4.000.000	35.577.993	
17	Ông Tạ Hồng Đức	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai, thành phố Đồng Nai	10,	10	-	0,	0,		6.450.000	16.479.650	-	1.710.000	4.000.000	28.639.650	

STT	 Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp									
				Tổng	Trong đó đất lúa	Tổng	Trong đó đất ở								
1	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15		16	17
18	Ông Phan Tư Liên Khoa	ấp Tâm An, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	46,9	47	-	0,	0,		9.075.150	3.619.060	2.237.012	855.000	2.000.000	17.786.222	
19	Ông Phòng Hải Minh	ấp Bảo Bình 1, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	2182,1	2.182	-	0,	0,		549.681.660	8.871.840	144.399.681	572.056.200	20.000.000	1.295.009.381	
Cộng:			27.813,2	27.713,2	0,0	100,0	100,0	0	10.638.243.280	1.931.957.936	1.544.702.053	11.335.109.400	282.000.000	25.732.012.669	
1. Tiền bồi thường, hỗ trợ														25.450.012.669	
2. Thưởng di dời														282.000.000	
3. Tiền bồi thường, hỗ trợ, thưởng di dời: 1+2														25.732.012.669	
4. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường: 1 x 3,5%														890.750.443	
4.1. Chi phí cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - CN Cẩm Mỹ): 4 x 85%														757.137.877	
4.2. Chi phí cho UBND xã Cẩm Mỹ: 4 x 15%														133.612.567	
Tổng cộng (3+4):														26.622.763.112	

